

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2024/DS-ST

Ngày: 05 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Du
2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: Số B - B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Chi nhánh Ngân hàng TMCP S – PGD Bàu Bàng: Thửa số 173, tờ bản đồ số 26, Đại lộ B, Tổ B, khu phố B, Thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Như H, sinh năm 1984; chức vụ: Trưởng bộ phận quản lý tín dụng và kiểm soát rủi ro phòng giao dịch B – S1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S theo Giấy ủy quyền số 20/2024/GUQ-PGDBB ngày 16/5/2024. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1997; địa chỉ: Số I, Tổ D, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2024, bản tự khai và quá trình hòa giải, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Ngọc D và bà Ngô Thị Như H trình bày:

Ngày 12/9/2022, bà Huỳnh Thị Bích T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của bà Huỳnh Thị Bích T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 25.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Huỳnh Thị Bích T đã thực hiện các giao dịch. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Huỳnh Thị Bích T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.743.000đồng thì ngưng không thanh toán nữa. Do bà Huỳnh Thị Bích T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên tháng 10 năm 2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 05/9/2024, bà Huỳnh Thị Bích T còn nợ Ngân hàng TMCP S như sau:

- Nợ gốc: 29.414.194 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 12.204.000 đồng;
- Tổng dư nợ: 41.618.194 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Huỳnh Thị Bích T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 41.618.194đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 05/9/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Huỳnh Thị Bích T. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thể hiện bà Huỳnh Thị Bích T có địa chỉ cư trú tại số I, Tổ D, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi sinh sống. Do đó, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thời gian tiến hành tố tụng và thời gian mở phiên tòa theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn bà T không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả cho việc không cung cấp được chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Huỳnh Thị Bích T, bị đơn có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không tổng đạt được các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Huỳnh Thị Bích T. Căn cứ kết quả xác minh tại Công an phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 27 tháng 6 năm 2024 xác định bà Huỳnh Thị Bích T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số I, Tổ D, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng hiện không có mặt tại địa chỉ nêu trên. Do đó, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian tham gia tố tụng và thời gian mở phiên tòa cho bị đơn bà Huỳnh Thị Bích T theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà Huỳnh Thị Bích T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đại diện nguyên đơn bà Ngô Thị Như H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/9/2022 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Huỳnh Thị Bích T thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

[2.2] Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng S đã cấp thẻ tín dụng cho bà T với hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Căn cứ Tóm tắt sao kê đến ngày 05/9/2024 do Ngân hàng cung cấp thể hiện bà Huỳnh Thị Bích T có thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 10/10/2023 thì vi phạm nghĩa vụ và tính đến ngày 05/9/2024 bà Huỳnh Thị Bích T còn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 29.414.194 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Bích T phải thanh toán số tiền nợ gốc 29.414.194 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 12.204.000đồng là đúng thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/9/2022 và Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S; xét thấy lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/9/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Bích T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Huỳnh Thị Bích T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 05/9/2024, như sau:

- Nợ gốc: 29.414.194đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm mười bốn nghìn một trăm chín mươi bốn đồng).

- Nợ lãi quá hạn: 12.204.000đồng (Mười hai triệu hai trăm lẻ bốn nghìn đồng)

Tổng cộng: 41.618.194đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm mười tám nghìn một trăm chín mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thi hành án xong bà Huỳnh Thị Bích T còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP S các khoản lãi phát sinh theo quy

định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/9/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Bích T phải chịu số tiền 2.081.000đồng (Hai triệu không trăm tám mươi một nghìn đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 861.000đồng (T1 trăm sáu mươi một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002518 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân